TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/DS-PT
Ngày 01-03-2023
"Yêu cầu hủy di chúc, hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất, kiện đòi tài sản và tranh chấp chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dần.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm và bà Nguyễn Thị Hằng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lại Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 234/2022/TLPT-DS ngày 19/10/2022, về việc "*Yêu cầu hủy di chúc, hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất, kiện đòi tài sản và tranh chấp chia di sản thừa kế"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 101/2022/DSST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 2 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Thái Thị T, sinh năm 1954; địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Sin Thoại K; sinh năm 1973; địa chỉ: Phường X , Quận G, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

** Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim D (đã mất vào ngày 24/9/2022); địa chỉ: Phường X, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Thanh V – Phó trưởng Phòng TN&MT Tp. Buôn Ma Thuột. (Vắng mặt)

- Phòng Công chứng X tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T1; địa chỉ: Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- Văn phòng công chứng A

Địa chỉ: Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- Văn phòng Công chứng Đ.

Địa chỉ: Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố B

Địa chỉ: Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn L. (Vắng mặt)

- Công ty cổ phần dịch vụ đấu giá N

Địa chỉ: Phường A, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: Ông Đặng Ngọc H1. (Vắng mặt)

- Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H chi nhánh Đắk Lắk

Đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: Ông Phan Ngọc D1; địa chỉ: hành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- Bà Vũ Thị M, ông Hoàng Văn Đ và bà Hoàng Thị Thúy D2; cùng địa chỉ: Phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền, đồng thời là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà M và bà D2,: Ông Tạ Quang T4; địa chỉ: Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- Bà Phạm Thị L1; địa chỉ: Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: Ông Đào Nguyễn Minh T5; địa chỉ: Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- Ông Trần Quốc V1 và bà Lê Thị Mỹ H2; địa chỉ: Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- Bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Đình T2 và ông Nguyễn Duy T3; cùng địa chỉ: 50 C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

* *Người kháng cáo*: Bà Thái Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Sin Thoại K trình bày:***

Bà Thái Thị T và ông Nguyễn Văn H3 là vợ chồng có đăng ký kết hôn với nhau ngày 25/01/1989 tại UBND phường L, thành phố B Thuột theo giấy chứng nhận kết hôn số 19 quyển số 01. Thời gian chung sống, ông H3 được hưởng thừa kế nhà và đất tọa lạc tại phường L, thành phố B có diện tích 360,7m^2 theo Giấy CNQSDĐ số H-01063 do UBND thành phố B cấp ngày 29/6/2009.

Nhà và diện tích đất là tài sản chung của bà T và ông H3 trong thời kỳ hôn nhân, nhưng ông H3 đã giấu bà T làm di chúc để lại toàn bộ tài sản cho bà Nguyễn Thị Kim D. Mặc dù biết ông H3 đã có vợ và chưa được sự đồng ý của bà T, nhưng Phòng công chứng X tỉnh Đắk Lắk vẫn Công chứng di chúc ngày 13/07/2011 làm thiệt hại đến quyền và lợi hợp pháp của bà T.

Ông H3 lập di chúc cho bà D toàn bộ tài sản hợp nhất chung của vợ chồng, nhưng bà T không biết cho đến khi ông H3 chết ngày 16/5/2012. Sau khi ông H3 chết, bà T tiến hành thủ tục kê khai di sản thừa kế thì mới biết ông H3 đã để lại di chúc cho bà D toàn bộ tài sản chung của vợ chồng, đồng thời bà D đã tiến hành các thủ tục hợp thức hóa toàn bộ nhà và đất nói trên.

Được công nhận quyền sử dụng đất, ngày 02/7/2012 bà D đã chuyển nhượng 143,7m^2 đất cho bà Vũ Thị M, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà D và bà M được Văn phòng công chứng A chứng thực số 1969, quyển số 07/CC-SCC/HĐGD. Trong ngày 02/7/2012 bà D chuyển nhượng phần diện tích đất còn lại là 153,9m^2 cho ông Trần Quốc V1, bà Lê Thị Mỹ H2, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng A chứng thực số 3770, quyển số 07/CC-SCC/HĐGD.

Ngày 27/7/2012 bà M đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liền với đất số BG 654522 và ông Trần Quốc V1 và bà Lê Thị Mỹ H2 đã được Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liền với đất có số BG 654521.

Mặc dù tài sản đang tranh chấp nhưng, ngày 02/3/2015 bà M, ông Đ đã làm hợp đồng tặng cho bà Hoàng Thị Thúy D2, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng Đ chứng thực số 1710, quyển số 12/TP/CC-SCC/HĐGD. Căn cứ vào hợp đồng tặng cho, ngày 23/03/2015 bà D2 đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Buôn Ma Thuột cập nhật sang tên.

Quyền sử dụng đất của ông V1, bà H2 đã cho bán đấu giá, hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 95/2014/HĐMB-ĐGTN ngày 04/07/2017 do Công ty cổ phần dịch vụ đấu giá N tổ chức bán đấu giá cho bà Phạm Thị L1 được Văn phòng công chứng A, tỉnh Đắk Lắk công chứng số 5442, quyển số 07CC-SCC/HĐGD ngày 04/07/2014. Căn cứ vào hợp đồng bán đấu giá ngày 21/8/2014 bà L1 đã được Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cấp Giấy CNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liền với đất có số phát hành T779496, vào sổ cấp GCN số CH-08109.

Nhận thấy, bà D được hưởng di chúc từ ông H3 không đúng với quy định của pháp luật, dẫn đến việc bà D chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với di sản thừa kế là nhà và đất cho bà M, ông V1, bà H2, bà M và ông Đ tặng cho bà D2, ông V1, bà H2 bán đấu giá cho bà L1, đều trái với quy định của pháp luật.

Nay nguyên đơn bà T khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Hủy quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân Thành phố B cho bà D, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hủy cập nhật tên bà D tại Mục IV - những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành AP 775279, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-01063 do Ủy ban nhân dân Thành phố B cấp cho Hộ bà Nguyễn Thị S ngày 29/6/2009.

- Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà D cho bà M được Văn phòng công chứng A chứng thực ngày 02/7/2012, chứng thực số 1969, quyển số 07/CC-SCC/HĐGD.

- Hủy quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân Thành phố B cấp cho bà M, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy CNQSDĐ có số phát hành BG 654522, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 7678 do Ủy ban nhân dân Thành phố B đã cấp trái pháp luật cho bà M ngày 27/7/2012.

- Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà D cho ông V1 và bà H2 được Văn phòng công chứng A chứng thực ngày 02/07/2012, chứng thực số 3770, quyển số 07/CC-SCC/HĐGD.

- Hủy Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân Thành phố B, cho ông V1 và bà H2, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy CNQSDĐ có số phát hành BG 654521 do Ủy ban nhân dân Thành phố B đã cấp trái pháp luật cho ông V1 và bà H2 ngày 27/7/2012.

- Hủy Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 95/2014/HĐMB-ĐGTN ngày 04/07/2017 do Công ty cổ phần dịch vụ đấu giá N tổ chức bán đấu giá từ ông V1, bà H2 cho bà L1 được Văn phòng công chứng A, tỉnh Đắk Lắk công chứng số 5442, quyển số 07CC-SCC/HĐGD ngày 04/7/2014.

- Hủy Giấy CNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liền với đất có số phát hành T 779496, vào sổ cấp GCN số CH-08109 do Ủy ban nhân dân Thành phố B cấp cho bà Phạm Thị L1 ngày 21/8/2014.

- Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 150/2015/HĐTA ngày 02/03/2015 từ bà M, ông Đ cho bà D2 được Văn phòng công chứng Đ chứng thực ngày 02/3/2015, chứng thực số 1710, quyển số 12/TP/CC-SCC/HĐGD.

- Hủy Giấy CNQSDĐ có số phát hành BG 654522, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 7678 do Ủy ban nhân dân Thành phố B đã cấp trái pháp luật cho bà M ngày 27/7/2012.

- Hủy tên bà D2 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố B cập nhật ngày 23/3/2015 tại Mục IV - những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành BG 654522, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 7678 do ủy ban nhân dân Thành phố B đã cấp trái pháp luật cho bà M ngày 27/7/2012.

- Buộc bà D, bà M, ông Đ; ông V1, bà H2; bà L1; bà D2 trả lại cho bà T 360,7m^2 đất và nhà tại phường L, thành phố B.

- Chia di sản thừa kế đối với 360,7m^2 đất và 01 căn nhà cũ mà ông H3 chết đi để lại theo biên bản định giá tài sản của Tòa án thành phố B năm 2015, theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu nào khác.

**** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Văn H2 trình bày trình bày:***

Bà Nguyễn Thị Kim D là chị của ông Nguyễn Văn H3, vào ngày 13/7/2011 thì ông H3 có lập di chúc để lại cho bà D tài sản là lô đất tọa lạc tại phường T, Tp B. Cụ thể là: Thửa đất số 67, tờ bản đồ 20, diện tích 360,7m^2, nguồn gốc sử dụng đất là nhận thừa kế QSD đất từ mẹ là bà Nguyễn Thị S, theo giấy chứng nhận QSD đất số AP775279 do UBND Tp B cấp ngày 29/6/2009. Ngày 22/3/2012 ông H3 có tách một phần đất với diện tích là 64,1m^2 để chuyển nhượng cho ông V1 và bà H2 theo hợp đồng chuyển nhượng QSD đất số 0537, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD được Phòng công chứng X, tỉnh Đắk Lắk chứng thực ngày 22/3/2012.

Ngày 16/5/2012, ông H3 chết, sau khi ông H3 chết thì bà D căn cứ vào di chúc do ông H3 lập để tiến hành thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo quy định pháp luật và được Văn phòng đăng ký QSD đất Tp B xác nhận sang tên quyền sở hữu, sử dụng cho bà D vào ngày 29/6/2012 cũng như bà D nộp nghĩa vụ tài chính thuế để được nhận tài sản thừa kế.

Ngày 02/7/2012, bà D đã chuyển nhượng Quyền sử dụng đất cho ông V1, bà H2 và bà M, số tiền chuyển nhượng phục vụ đóng thuế, cho các cháu, cho bà T và hiến tặng cho Nhà thờ.

Nay bà T khởi kiện tranh chấp, bà D không đồng ý, bởi lẽ.

Bà D khẳng định ông H3 để lại là tài sản riêng của ông H3 được nhận thừa kế từ mẹ là bà S, vì vậy, ông H3 có quyền lập di chúc để lại cho bà D và di chúc được công chứng hợp pháp. Tài sản sau khi nhận di sản thừa kế, bà D đã chuyển nhượng cho người khác theo đúng pháp luật, trong gia đình không ai thừa nhận bà T là vợ ông H3, khi ông H3 chết, gia đình công bố di chúc bà T đồng ý, không phản đối gì. Nay bị đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T. Ngoài ra, không có ý kiến, yêu cầu nào thêm.

**** Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B là ông Huỳnh Nhật N trình bày:***

Thửa số 67, tờ bản đồ số 20, diện tích là 489.6m^2, do bà Nguyễn Thị S1 lập di chúc để lại cho con là bà Nguyễn Thị S từ năm 1980. Ngày 12/4/2007 UBND thành phố B cấp giấy CNQSDĐ số AI 410153 cho hộ bà Nguyễn Thị S đối với thửa đất trên. Ngày 29/6/2009 UBND thành phố B cấp đổi lại Giấy CNQSDĐ số AP 775279 cho hộ bà S theo đúng diện tích gia đình bà đang sử dụng đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 20, diện tích, 360,7m^2. Ngày 30/1/2011 bà S chết, ngày 18/3/2011 ông Nguyễn Văn H3 lập văn bản khai nhận tài sản thừa kế được Phòng công chứng X tỉnh Đắk Lắk chứng thực. Đến ngày 26/3/2011 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý sang tên cho ông H3 đối với thửa đất nêu trên. Ngày 13/7/2011 ông H3 lập di chúc

giao toàn bộ tài sản nêu trên cho bà Nguyễn Thị Kim D sau khi ông chết và được Phòng công chứng X chứng thực. Ngày 22/3/2012 ông H3 chuyển nhượng một phần diện tích là 64.1m^2 cho ông Trần Quốc V1 và bà Lê Thị Mỹ H2, đến ngày 6/4/2012 UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận QSD đất số BG662793 cho bà H2, ông V1. Ngày 16/5/2012 ông H3 chết, bà D được thừa kế tài sản là diện tích đất 296.6m^2,thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 20 theo di chúc.

Ngày 02/7/2012 bà D tách thửa đất trên thành 2 phần và chuyển nhượng cho bà M và chuyển nhượng cho ông V1, bà H2. Đến ngày 27/7/2012 UBND TP. B cấp giấy CNQSDĐ số 654522 cho bà M và BG 654521 cho ông V1 và bà H2.

Ngày 04/7/2014 bà Phạm Thị L1 mua tài sản đấu giá của ông V1, bà H2, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý sang tên ngày 18/7/2014. Ngày 21/8/2014 bà L1 lập thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận và được UBND TP. B cấp giấy chứng nhận mới số BT 779496.

Việc UBND thành phố B cấp giấy CNQSDĐ và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý biến động sang tên cho các cá nhân có tên nêu trên được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật đất đai.

Đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ cứ của các bên liên quan và kết quả xác minh thực tế để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, không có ý kiến nào khác.

**** Người thừa đại diện theo ủy quyền của Phòng công chứng X tỉnh Đắk Lắk ông Nguyễn Minh T5 trình bày:***

Vào ngày 13/7/2011, Phòng công chứng X có thực hiện công chứng Di chúc của ông Nguyễn Văn H3, gồm:

Di chúc công chứng số 2055 quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/7/2011, Sổ hộ khẩu gia đình ông H3 và bà D**,** Chứng minh nhân dân của ông H3, bà D, Giấy chứng quyền sử dụng đất số AP 775279 do UBND thành phố B cấp ngày 29/6/2009, cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 26/3/2011.

Theo hồ sơ lưu trữ, trình tự, thủ tục, công chứng di chúc của ông H3 được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật nên Phòng công chứng X không đồng ý hủy di chúc đã công chứng số 2055 quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/7/2011. Ngoài ra, không có ý kiến nào khác.

**** Người đại diện theo ủy quyền của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố B ông Nguyễn Tấn L trình bày:***

Hộ bà S được UBND thành phố B cấp giấy CNQSDĐ số AP 775279, cấp ngày 29/6/2009, thửa đất số 67, tờ bản đồ số 20, diện tích 360.7m^2 đất ở. Ngày 21/3/2011, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B, nhận được hồ sơ nhận thừa kế của ông H3 đối với thửa đất trên của hộ bà S theo Văn bản khai nhận tài sản thừa kế số 731 quyển số 01 TP/CC-SCC/HDGD ngày 18/3/2011 của Phòng công chứng X. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, căn cứ Điều 106 Luật đất đai 2003, Điều 23 Thông tư số

17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất lập phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vu tài chính và được Chi cục thuế Thành phố B xác định nghĩa vụ tài chính ngày 24/3/2011, đồng thời ngày 26/3/2011, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ký chỉnh lý biến động trang 4 cho ông H3 theo quy định.

Sau khi nhận thừa kế, ngày 13/7/2021 ông H3 lập Di chúc để lại thửa đất trên cho bà D theo di chúc được chứng thực số 2055 quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/7/2011 của Phòng công chứng X.

Ngày 22/3/2012 ông H3 chuyển nhượng một phần diện tích 64.1m^2, cho ông V1 và bà H2 theo hợp đồng số 537/quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD của Phòng công chứng X. Ngày 23/3/2012 ông V1 và bà H2 nộp lại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, căn cứ Điều 106 Luật đất đai 2003, điều 23 Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất lập phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính và được Chi cục thuế Thành phố B xác định nghĩa vụ tài chính ngày 27/3/2012 cho ông V1 và ông H3. Ngày 29/3/2012 ông V1 thực hiện nghĩa vụ tài chính vào ngân sách nhà nước theo giấy nộp tiền số CT 0021896. Ngày 06/4/2012 ông V1 và bà H2 được UBND thành phố B cấp giấy CNQSDĐ số BG 662793, thửa đất số 165, tờ bản đồ số 20, diện tích 64.1m^2 đất ở.

Ngày 23/5/2012, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nhận được hồ sơ nhận thừa kế của bà D đối với phần diện tích đất còn lại của ông H3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ nhận thừa kế, căn cứ Điều 106 Luật đất đai 2003, điều 23 Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã lập phiếu chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính, ngày 05/6/2012 Chi cục thuế thành phố B phát hành thông báo nghĩa vụ tài chính cho bà D. Ngày 29/6/2012 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ký chỉnh lý biến động trang 4 cho bà D theo quy định.

Ngày 02/7/2012, bà D tách thửa đất trên chuyển nhượng cho 02 người, cụ thể: Chuyển nhượng cho bà M, thửa đất số 166, tờ bản đồ số 20, diện tích 143.7m^2 đất ở, theo hợp đồng chuyển nhượng số 3769 quyển số 07/CC-SCC/HĐGD ngày 02/7/2012 của Văn phòng công chứng A. Chuyển nhượng cho ông V1 và bà H2, thửa đất số 67, tờ bản đồ số 20, diện tích 152.9m^2 đất ở, theo hợp đồng chuyển nhượng số 3770 quyển số 07/CC-SCC/HĐGD ngày 02/7/2012 của Văn phòng công chứng A.

Ngày 03/7/2012 bà M và ông V1 nộp 02 hồ sơ trên tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, căn cứ Điều 106 Luật đất đai 2003, Điều 23 Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã lập phiếu chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính đối với 02 hồ sơ trên, ngày 09 và 10 tháng 7 năm 2012 Chi cục thuế thành phố B phát hành thông báo nghĩa vụ tài chính đối với 02 thửa đất trên cho bà M và ông V1. Ngày 12/7/2012 bà M và ông V1 nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo giấy

nộp tiền số CT 0041696, CT 0041697. Ngày 27/7/2012 UBND thành phố B cấp giấy CNQSDĐ số BG 654522, thửa đất số 166, tờ bản đồ số 20, diện tích 143.7m^2 đất ở cho bà M và giấy CNQSDĐ số BG 654521, thửa đất số 67, tờ bản đồ số 20, diện tích 152.9m^2 đất ở cho ông V1 và bà H2.

Ngày 09/7/2014, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nhận được hồ sơ mua bán đấu giá tài sản của Công ty cổ phần dịch vụ đấu giá N, người có tài sản là ông V1 và bà H2, người mua được tài sản là Phạm Thị L1. Tài sản bán đấu giá là giấy CNQSDĐ số BG 654521, thửa đất số 67, tờ bản đồ số 20, diện tích 152.9m^2 đất ở. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, căn cứ khoản 1 Điều 188 Luật đất đai 2013 và Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố B lập phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vu tài chính và ngày 10/7/2014 Chi cục thuế Thành phố B xác định nghĩa vụ tài chính cho ông V1 và bà L1. Ngày 15/7/2014 ông V1 thực hiện nghĩa vụ tài chính theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số CT 0015070. Ngày 18/7/2014 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý trang 4 cho bà Phạm Thị L1 theo quy định.

Ngày 25/7/2014, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nhận được hồ sơ cấp đổi giấy CNQSDĐ trên của bà L1, căn cứ Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, ngày 21/8/2014 UBND thành phố B cấp giấy CNQSDĐ số BT 779496, thửa đất số 67, tờ bản đồ số 20, diện tích 152.9m^2 đất ở.

Ngày 05/3/2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nhận được hồ sơ bà M và ông Đệ tặng cho bà D2 đối với cấp giấy CNQSDĐ số BG 654522, thửa đất số 166, tờ bản đồ số 20, diện tích 143.7m^2 đất ở, theo hợp đồng tặng cho số 1710 quyển số 12/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/3/2015 của Văn phòng công chứng Đ. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, căn cứ khoản 1 Điều 188 Luật đất đai 2013 và Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố lập phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vu tài chính và ngày 16/3/2015 Chi cục thuế thành phố B phát hành thông báo nghĩa vụ tài chính cho bà D2 và bà M. Ngày 23/3/2015 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ký chỉnh lý biến động trang 4 cho bà D2 theo quy định.

**** Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Dịch vụ Đấu gía N ông Đặng Ngọc H1 trình bày:***

Ngày 26/4/2016 Công ty N ký kết hợp đồng bán đấu giá tài sản với ông V1 và bà H2. Tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy CNQSD đất số BG 654521, thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 20, diện tích 152,9m^2 do UBND TP. Buôn Ma Thuột cấp ngày 27/7/2012. Giá khởi điểm là 5 tỷ đồng. Nhận thấy tài sản bán đấu giá không thế chấp vay vốn Ngân hàng, không thi hành bất kỳ bản án nào của Tòa án hoặc thanh toán nợ và không tranh chấp với ai. Theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 26 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá nên Công ty đã ký kết hợp đồng với ông V1, bà H2. Về lý do tại sao ông V1 và bà H2 lựa chọn hình thức

bán đấu giá để bán tài sản của mình thì công ty không được biết và không có thẩm quyền tra xét việc trên vì đây là nhu cầu hợp pháp của chủ tài sản và không vi phạm điều cấm của pháp luật. Công ty đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định về bán đấu giá. Sau khi tổ chức bán đấu giá thì người mua được tài sản là bà Phạm Thị L1. Việc tranh chấp tài sản giữa bà T và bà D Công ty không có ý kiến gì.

**** Người đại diện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh chi nhánh Đắk Lắk là ông Phan Ngọc D trình bày:***

Ông Việt, bà H2 có vay vốn và đăng ký thế chấp tài sản có liên quan đến vụ án tại HD bank chi nhánh Đắk Lắk; tuy nhiên, khách hàng không giải ngân và HD bank chi nhánh Đắk Lắk đã bàn giao tài sản thế chấp cho ông Trần Quốc V1 và bà Lê Thị Mỹ H2. Hiện ông Trần Quốc V1 và bà Lê Thị Mỹ H2 không có dư nợ và tài sản thế chấp tại HD bank chi nhánh Đắk Lắk, do vậy HDbank chi nhánh Đắk Lắk từ chối tham gia tố tụng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M, ông Hoàng Văn Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Tạ Quang T4 trình bày:***

Căn cứ chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ thì bà Vũ Thị M và ông Hoàng Văn Đ nhận chuyển nhượng diện tích 143,7m^2 đất từ bà D, đến năm 2015, tặng cho lại con gái là chị D2, giấy CNQSDĐ đã được UBND thành phố B cấp và chỉnh lý đúng theo nội dung sử dụng. Về nguồn gốc đất thì đất ông H3 nhận thừa kế từ mẹ ruột là bà S, đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận thì xác định đây là tài sản riêng của ông H3, vì vậy việc ông H3 tặng cho bà D hay bất kỳ ai khác là không trái quy định của pháp luật. Vì vậy yêu cầu hủy di chúc, hủy các hợp đồng và chia di sản thừa kế là không có căn cứ.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Thúy D2 trình bày:

Bà D2 là người chủ sở hữu nhà và đất có diện tích 143,7m^2, thửa đất số 166, tờ bản đồ 20, tọa lạc tại 50 C, phường T, đã có giấy CNQSDĐ số BG 654522 ngày 27/7/2012. Tài sản của chị D2 do mẹ bà Vũ Thị M tặng cho.

**** Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị L1 là ông Đào Nguyễn Minh T5 trình bày:***

Vào khoảng cuối tháng 6 năm 2014, được biết trên phương tiện thông tin đại chúng có thông báo bán đấu giá tài sản tại số 50 đường C, thành phố B, do Công ty Đấu giá N tổ chức bán đấu giá. Vì vậy, bà L1 đã đến trực tiếp Công ty Đấu giá N để liên hệ và mua hồ sơ tham gia đấu giá đối với lô đất nói trên. Sau khi hoàn tất các thủ tục để tham gia đấu giá, ngày 04/7/2014 Công ty Đấu giá N tổ chức đấu giá thành đối với tài sản nói trên và bà L1 là người mua trúng đấu giá tài sản nói trên với giá bán: 5.050.000.000 đồng.

Ngày 04/07/2014, Công ty Đấu giá N đã ký kết Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá đối với lô đất mà bà L1 đã mua trúng đấu giá và đã được Văn phòng Công chứng A công chứng số: 5442, quyển số: 07/CC-SCC/HĐGD ngày 04/7/2014. Ngày 08/7/2014, đại diện Công ty Đấu giá N, đại diện người có tài sản đấu giá đã bàn giao tài sản đấu giá cho bà L1 và các bên cùng thống nhất ký vào Biên bản bàn giao tài sản.

Bà L1 đã hoàn tất các giấy tờ, hồ sơ đấu giá và nộp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất để sang tên quyền sử dụng đất đối với lô đất nói trên và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý sang tên ngày 18/7/2014.

Sau một thời gian sử dụng ổn định lô đất nói trên, bà L1 không biết vì lý do gì về việc bà T khởi kiện bà D để đòi lài tài sản có liên quan đến lô đất mà bà mua trúng đấu giá tại Công ty Đấu giá N nói trên. Ngày 09/08/2016 Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2016/QĐ-BPKCTT ngày 09/8/2016 đối với quyền sử dụng đất mà bà L1 đã mua trúng đấu giá tài sản gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L1, hiện bà L1 đã làm đơn khiếu nại về việc Tòa án ngăn chặn tài sản của bà L1 gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Nay, kính mong quý tòa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L1 bởi lẽ: Bà L1 là người chiếm hữu ngay tình nhận được tài sản đối với lô đất nói trên thông qua bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật.

Vậy kính đề nghị quý tòa phải bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L1, việc bà T khởi kiện bà D để chia di sản nói trên thì bà L1 không đồng ý.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc V1 và bà Lê Thị Mỹ H2:*** Tòa án đã triệu tập hợp lệ, ông V1 và bà H2 đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày:***

Bà Hằng là người thuê đất tại số 50 C để kinh doanh, của 02 chủ là bà Phạm Thị L1 và ông Trần Quốc V1, bà Lê Thị Mỹ H2, toàn bộ tài sản trên đất là do bà Hằng xây dựng lên, nay không tranh chấp gì với ai.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình T2 trình bày:***

Ông là người thuê đất tại số 50 C để kinh doanh, của chủ là bà Vũ Thị M, toàn bộ tài sản trên đất là do ông T2 xây dựng lên nay không tranh chấp gì với ai.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy T3 trình bày:***

Ông là người thuê đất tại số 50 C để kinh doanh, của chủ là ông Trần Quốc V1, toàn bộ tài sản trên đất là do ông T3 xây dựng lên không tranh chấp gì với ai.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Đ và Văn phòng Công chứng A: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng Văn phòng Công chứng Đ không tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai được, Văn phòng Công chứng A có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 101/2022/DSST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Tp. B, tỉnh Đắk Lắk **đã quyết định:**

Căn cứ vào Điều 4, Điều 5, khoản 2, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 138, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 164, Điều 165, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 255, 256, 631, 632, 633, 634, 635, 646, 648, 650, 652, 658, 667 và Điều 669 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 27, 32, 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ điểm đ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Thái Thị T.

[1.1] Buộc bà Nguyễn Thị Kim D có trách nhiệm thanh toán lại phần giá trị tài sản thành tiền cho Bà Thái Thị T được hưởng là 16.732.446.467 đồng (mười sáu tỷ bảy trăm ba mươi hai triệu bốn trăm bốn sáu nghìn bốn trăm sáu bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Thái Thị T về việc:

[2.1] Hủy di chúc lập ngày 13/7/2011 của ông Nguyễn Văn H3 cho bà Nguyễn Thị Kim D, được Phòng công chứng X tỉnh Đắk Lắk chứng thực ngày 13/07/2011, số công chứng 2055, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐG. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Nguyễn Thị Kim D cho bà Vũ Thị M được Văn phòng công chứng A chứng thực ngày 02/07/2012, chứng thực số 1969, quyển số 07/CC-SCC/HĐGD. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Nguyễn Thị Kim D cho ông Trần Quốc V1 và bà Lê Thị Mỹ H2 được Văn phòng công chứng A chứng thực ngày 02/07/2012; chứng thực số 3770, quyển số 07/CC-SCC/HĐGD. Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 150/2015/HĐTA ngày 02/03/2015 từ bà Vũ Thị M, ông Hoàng Đệ V2 (Hoàng Văn Đ) cho bà Hoàng Thị Thúy D2 được Văn phòng công chứng Đ chứng thực ngày 02/3/2015, chứng thực số 1710, quyển số 12/TP/CC-SCC/HĐGD.

Hủy Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 95/2014/HĐMB-ĐGTN ngày 04/07/2017 do Công ty cổ phần dịch vụ đấu giá N tổ chức bán đấu giá từ ông Trần Quốc V1, bà Lê Thị Mỹ H2 cho bà Phạm Thị L1 được Văn phòng công chứng A, tỉnh Đắk Lắk công chứng số 5442, quyển số 07CC-SCC/HĐGD ngày 04/7/2014.

[2.2] Buộc bà Nguyễn Thị Kim D, bà Vũ Thị M, ông Hoàng Văn Đ, ông Trần Quốc V1, bà Lê Thị Mỹ H2, bà Phạm Thị L1, bà Hoàng Thị Thúy D2 trả lại cho Bà Thái Thị T 360,7m^2 đất, tại phường L, thành phố B.

[2.3] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Thái Thị T về việc chia di sản thừa kế là diện tích 64,1m^2 đất, thuộc thửa đất số 165, tờ bản đồ 20, tại số 50 đường Phan Bội Châu, phường L, thành phố B.

[2.4] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Thái Thị T về việc chia di sản thừa kế là 01 căn nhà, tại phường L, thành phố B, theo biên bản định giá tài sản ngày 16/01/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

[3] Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2016/QĐ-BPKCTT ngày 09/8/2016 về cấm hoặc buộc thực hiện hành vi nhất định của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án và thỏa thuận thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/8/2022, nguyên đơn Bà Thái Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy ngày 26 tháng 8 năm 2022 Bà Thái Thị T làm đơn kháng cáo, ngày 24 tháng 09 năm 2022 bà Nguyễn Thị Kim D bị đơn chết (Theo trích lục khai tử số 473/TLKT- BS ngày 26/9/2022 của UBND phường X, quận P, thành phố Hồ Chí Minh). Tòa án đã ra thông báo và đã ra quyết định tạm đình chỉ vụ án để cùng các bên đương sự tìm kiếm những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Kim D nhưng không có kết quả. Đây là tình tiết mới phát sinh trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Do vậy đề nghị HĐXX chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn Bà Thái Thị T - Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 101/2022/DSST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột giải quyết lại vụ án từ giai đoạn sơ thẩm theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả trông tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn Bà Thái Thị T nộp trong thời hạn luật định, được miễn tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Bà Thái Thị T HĐXX xét thấy:

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, ngày 26 tháng 8 năm 2022 Bà Thái Thị T làm đơn kháng cáo, ngày 24 tháng 09 năm 2022 bà Nguyễn Thị Kim D bị đơn chết (Theo trích lục khai tử số 473/TLKT- BS ngày 26/9/2022 của UBND phường X, quận P, thành phố Hồ Chí Minh). Tòa án đã ra thông báo và đã ra quyết định tạm đình chỉ vụ án để cùng các bên đương sự tìm kiếm những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Kim D nhưng không có kết quả. Đây là tình tiết mới phát sinh trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được. Do vậy HĐXX chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn Bà Thái Thị T - Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 101/2022/DSST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột giải quyết lại vụ án từ giai đoạn sơ thẩm theo thủ tục chung mới đảm bảo các quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên chi phí tố tụng và án phí DSST sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên bị đơn Bà Thái Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn Bà Thái Thị T – Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2022/DSST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Tp. B, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại vụ án từ giai đoạn sơ thẩm theo thủ tục chung.

[2]. Về án phí và chi phí tố tụng:

[2.1]**.** Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Thái Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Văn Công Dần